

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-TNMT ngày 27/5/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng E08, lô CN-03, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy điện tử Sunda Việt Nam” tại lô CN-03 (thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Nhà máy điện tử Sunda Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-03 (thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400846489 đăng ký lần đầu ngày 29/8/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02/02/2024 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9883220611 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 22/8/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 12/8/2020.

1.5. Mã số thuế: 2400846489.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất gia công sản phẩm dây mạng, dây cáp của các loại thiết bị điện tử; sản xuất gia công vỏ ốp bằng nhựa và silicon dùng cho điện thoại di động và các loại thiết bị điện tử khác.

1.7. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Lô CN-03 (thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 3.036 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có công suất lớn theo quy định tại Phụ lục II (STT 17) nên cơ sở thuộc dự án nhóm I theo quy định tại Phụ lục III (mục I.3) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Cơ sở đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 và đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành.

+ Sản xuất, gia công dây mạng, dây cáp âm thanh, dây HDMI, cáp viễn thông, cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB, đầu nối vào dây dẫn của các loại thiết bị điện tử gia công lắp ráp đầu nối và dây dẫn của các loại thiết bị điện tử: 20.000.000 chiếc/năm;

+ Sản xuất gia công vỏ ốp bằng silicon dùng cho điện thoại di động và các loại thiết bị điện tử khác: 6.000.000 chiếc/năm;

+ Sản xuất gia công vỏ bằng nhựa dùng cho điện thoại di động và các loại thiết bị điện tử khác: 24.000.000 chiếc/năm;

+ Dự án đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

2.1. Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến hết ngày 21/8/2028.

Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy điện tử Sunda Việt Nam” tại lô CN-03 (Thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy điện tử Sunda Việt Nam” tại lô CN-03 (Thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 207/QĐ-STNMT ngày 14/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam được thực hiện các hoạt

động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy điện tử Sunda Việt Nam” tại lô CN-03 (Thuê nhà xưởng E08 của Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; UBND thị xã Việt Yên, Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND

ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Chủ cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của cơ sở để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 2011-SUNDA-HĐDVNT/FG2021 ngày 20/11/2021 giữa Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam và Công ty TNHH Fugiang), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (02 bể tại khu vực văn phòng và xưởng sản xuất với tổng dung tích 55 m<sup>3</sup> (kích thước của 02 bể tự hoại lần lượt như sau: BxHxL = 4,5mx2,2mx4,3m=42m<sup>3</sup> và BxHxL =2,5mx2,2mx 2,4m =13m<sup>3</sup>) theo đường ống nhựa uPVC D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học AO+MBBR.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- + Hóa chất khử trùng (Chlorine 70%) khoảng 1,8 kg/tháng;
- + Mật rỉ đường khoảng 15 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

#### 1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

#### 1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ 01/6/2024 đến 30/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
<b>I Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất</b>				
1	01 vị trí tại bể điều hoà nước thải	- Tiến hành lấy mẫu tổ hợp 15 ngày/lần trong 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 20/6/2024 + Lần 2: Ngày 05/7/2024	Lưu lượng; pH; COD; BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C); Chất rắn lơ lửng; Sunfua; Amoni (Tính theo N); Tổng dầu mỡ khoáng;	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí tại hố ga sau hệ thống xử lý	+ Lần 3: Ngày 20/7/2024 + Lần 4: Ngày 05/8/2024 + Lần 5: Ngày 20/8/2024	Tổng Nitơ; Tổng Photpho (Tính theo P); Coliform	
<b>II Giai đoạn vận hành ổn định</b>				
1	01 vị trí tại bể điều hoà nước thải	- Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 21/8/2024 + Lần 2: Ngày 22/8/2024	Lưu lượng; pH; COD; BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C); Chất rắn lơ lửng; Sunfua; Amoni (Tính theo N); Tổng dầu mỡ khoáng;	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí tại hố ga sau hệ thống xử lý	+ Lần 3: Ngày 23/8/2024 + Lần 4: Ngày 24/8/2024 + Lần 5: Ngày 26/8/2024 + Lần 6: Ngày 27/8/2024 + Lần 7: Ngày 28/8/2024	Tổng Nitơ; Tổng Photpho (Tính theo P); Coliform	

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Fugiang bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Vân Trung, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã

được cấp, phải báo cáo báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn phát sinh từ công đoạn phun dầu trong quy trình sản xuất vỏ ốp bằng silicon dùng cho điện thoại di động và các loại thiết bị điện tử khác.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun dầu trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun dầu trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ ): Tọa độ: X = 2350721; Y = 410318

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải tối đa 18.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 432.000 m<sup>3</sup>/ngày (Tối đa 24 giờ/ngày đêm).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	-	
4	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	
7	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	5	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nhà máy bố trí 01 máy phun dầu có 2 khoang phun. Tại mỗi khoang phun bố trí 01 ống nhánh hút khí thải kích thước 600mmx600mm với tổng chiều dài khoảng 10m sau đó đầu nối về 01 đường ống chính kích thước 800mmx800mm với chiều dài 15m dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT). Chủ cơ sở lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo công nghệ đã đề xuất trong báo cáo ĐTM là hấp thụ NaOH kết hợp hấp phụ than hoạt tính. Tuy nhiên khi đi vào sản xuất thực tế cơ sở không thực hiện quá trình lưu hoá silicon nên không phát sinh H<sub>2</sub>S. Do đó, nhà máy chỉ áp dụng công nghệ xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý các chất hữu cơ đặc trưng trong dầu phun còn không vận hành tháp hấp thụ NaOH.

- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 140 kg/06 tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

#### 1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ 01/6/2024 đến 30/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun dầu của cơ sở.

2.3. Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
<b>I Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất</b>				
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun dầu của cơ sở	- Tiến hành lấy mẫu tổ hợp 15 ngày/lần trong 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 20/6/2024 + Lần 2: Ngày 05/7/2024 + Lần 3: Ngày 20/7/2024 + Lần 4: Ngày 05/8/2024 + Lần 5: Ngày 20/8/2024	Lưu lượng; Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> , Xylen, Toluen, Benzen	QCVN 19:2009/BTN MT, cột B và QCVN 20:2009/BTN MT
<b>II Giai đoạn vận hành ổn định</b>				
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun dầu của cơ sở	- Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 21/8/2024 + Lần 2: Ngày 22/8/2024 + Lần 3: Ngày 23/8/2024 + Lần 4: Ngày 24/8/2024 + Lần 5: Ngày 26/8/2024 + Lần 6: Ngày 27/8/2024 + Lần 7: Ngày 28/8/2024	Lưu lượng; Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> , Xylen, Toluen, Benzen.	QCVN 19:2009/BTN MT, cột B và QCVN 20:2009/BTN MT

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND

ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn:**

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy nghiền.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)**

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Vị trí số 01: Tại khu vực bố trí máy nghiền. Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°): X = 2350733; Y = 410346.

+ Vị trí số 02: Tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°): X = 2350669; Y = 410345.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo

đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tất giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Nguồn phát sinh
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	40	Từ hoạt động sản xuất của nhà máy
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5	
3	Pin, Ác quy thải	Rắn	16 01 12	65	
4	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn	Lỏng	17 02 03	5	Từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị
5	Than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	400	Từ hệ thống xử lý khí thải
6	Bao bì thải cứng bằng kim loại (Hộp đựng dầu thải)	Rắn	18 01 02	46	Từ quá trình sơn sản phẩm
	<b>Tổng</b>			<b>561</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 179 kg/tháng, gồm:

STT	Thành phần	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)
1	Đầu nhựa thừa, bavia, nhựa đùn thừa	Rắn	55
2	Hạt nhựa rơi vãi	Rắn	8
3	Đầu mẫu, bavia silicon	Rắn	50
4	Sản phẩm lỗi hỏng	Rắn	18
5	Túi HDPE hỏng, thừa	Rắn	12
6	Thùng Carton hỏng	Rắn	16
7	Bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	Rắn	20
	<b>Tổng</b>		<b>179</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 50 kg/ngày, rác thải sinh hoạt chủ yếu như túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy ăn, bã chè...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít để chứa chất thải nguy hại dạng rắn và 01 can nhựa có nắp đậy dung tích 50 lít để thu gom, lưu chứa riêng biệt chất thải nguy hại dạng lỏng, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

Chủ cơ sở định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý với tần suất 6 tháng/lần.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho chứa: 10 m<sup>2</sup>, kích thước dài x rộng = 5 x 2,0m, chiều cao: 2,5m;

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: có biển cảnh báo CTNH, nền bê tông, có mái che, thiết kế hệ thống thông gió; bố trí cát chống tràn đổ hóa chất; dán nhãn CTNH, thông tin cảnh báo đối với từng loại chất thải tương ứng...).

+ Chức năng: Lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ cơ sở đã bố trí 02 kho chứa chất thải sản xuất cụ thể như sau:

+ 01 kho chứa phế liệu: Bố trí các thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy và bao tải để chứa các chất thải có khả năng tái chế như đầu mẫu nhựa, bavia nhựa thừa, sản phẩm lỗi hỏng bằng nhựa, thùng Carton hỏng,...

+ 01 kho chứa chất thải sản xuất: Bố trí các thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy để lưu chứa các loại chất thải không có khả năng tái chế như đầu mẫu, bavia silicon, túi HDPE hỏng, bảo hộ lao động hỏng,...

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định với tần suất 2 lần/tháng.

2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

- Chủ cơ sở bố trí 01 kho chứa chất thải sản xuất như sau:

+ Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 10 m<sup>2</sup> đặt ở bên ngoài nhà xưởng. Kích thước kho chứa như sau:

+ Diện tích: 10 m<sup>2</sup> (dài x rộng = 5 x 2,0 m);

+ Chiều cao: 2,5m;

+ Kết cấu kho chứa: Nền đổ bê tông, tường xây tô gân xanh, mái lợp tôn.

- Chủ cơ sở bố trí 01 kho chứa phế liệu để chứa các chất thải có khả năng tái sử dụng. Kích thước kho chứa như sau:

- + Diện tích:  $10 \text{ m}^2$  (dài x rộng =  $5 \times 2,0 \text{ m}$ );
- + Chiều cao: 2,5m;
- + Kết cấu kho chứa: Nền đổ bê tông, tường quay tôn gân xanh, mái lợp tôn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chủ cơ sở đã bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích 50 lít ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, khu nhà ăn, khu nhà vệ sinh... Sau đó được thu gom về 01 thùng chứa dung tích 100 lít đặt trong kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đã bố trí.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/tuần.

- Bùn cặn của bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần được thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định.

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích  $10 \text{ m}^2$  đặt ở bên ngoài nhà xưởng. Kích thước kho chứa như sau:

- + Diện tích:  $10 \text{ m}^2$  (dài x rộng =  $5,0 \times 2 \text{ m}$ );
- + Chiều cao: 2,5m;
- + Kết cấu kho chứa: Nền đổ bê tông, tường xây gạch lửng 1m, mái lợp tôn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH điện tử Sunda Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Tiêu chuẩn quy định của khu công nghiệp Vân Trung trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý của khu công nghiệp Vân Trung.
- Vận hành các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.
- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 250/TTr-TNMT ngày 27/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.